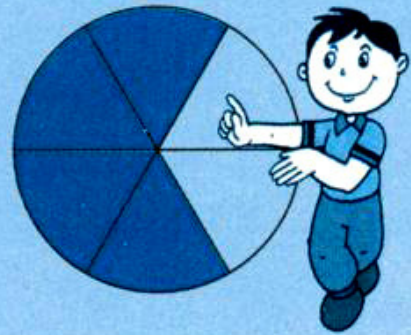


Chương một

**ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ PHÂN SỐ.  
GIẢI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ LỆ.  
BẢNG ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH**



**ÔN TẬP : KHÁI NIỆM VỀ PHÂN SỐ**



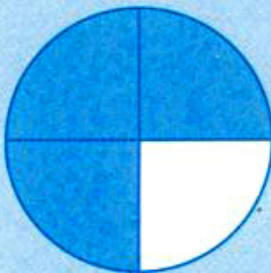
Viết :  $\frac{2}{3}$

Đọc : hai phần ba



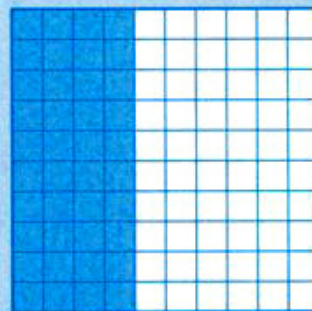
Viết :  $\frac{5}{10}$

Đọc : năm phần mười



Viết :  $\frac{3}{4}$

Đọc : ba phần tư



Viết :  $\frac{40}{100}$

Đọc : bốn mươi phần một trăm,  
hay bốn mươi phần trăm

$\frac{2}{3}$  ;  $\frac{5}{10}$  ;  $\frac{3}{4}$  ;  $\frac{40}{100}$  là các phân số.

**Chú ý :**

1) Có thể dùng phân số để ghi kết quả của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0. Phân số đó cũng được gọi là thương của phép chia đã cho.

Ví dụ :  $1:3 = \frac{1}{3}$  ;  $4:10 = \frac{4}{10}$  ;  $9:2 = \frac{9}{2}$  ; ...

2) Mọi số tự nhiên đều có thể viết thành phân số có mẫu số là 1.

Ví dụ :  $5 = \frac{5}{1}$  ;  $12 = \frac{12}{1}$  ;  $2001 = \frac{2001}{1}$  ; ...

3) Số 1 có thể viết thành phân số có tử số và mẫu số bằng nhau và khác 0.

Ví dụ :  $1 = \frac{9}{9}$  ;  $1 = \frac{18}{18}$  ;  $1 = \frac{100}{100}$  ; ...

4) Số 0 có thể viết thành phân số có tử số là 0 và mẫu số khác 0.

Ví dụ :  $0 = \frac{0}{7}$  ;  $0 = \frac{0}{19}$  ;  $0 = \frac{0}{125}$  ; ...

1 a) Đọc các phân số :

$$\frac{5}{7} ; \frac{25}{100} ; \frac{91}{38} ; \frac{60}{17} ; \frac{85}{1000} .$$

b) Nêu tử số và mẫu số của từng phân số trên.

2 Viết các thương sau dưới dạng phân số :

$$3 : 5 ; \quad 75 : 100 ; \quad 9 : 17 .$$

3 Viết các số tự nhiên sau dưới dạng phân số có mẫu số là 1 :

$$32 ; \quad 105 ; \quad 1000 .$$

4 Viết số thích hợp vào ô trống :

a)  $1 = \frac{6}{\square}$  ;

b)  $0 = \frac{\square}{5}$  .